

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin, đánh giá mức độ đạt được của quá trình dạy học so với yêu cầu của chương trình giáo dục 2018, nhằm phát triển năng lực và phẩm chất của người học.

- Nắm bắt khả năng học tập, mức độ phân hóa về học lực của học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên có kế hoạch dạy học phù hợp với từng đối tượng học sinh nhằm nâng cao chất lượng dạy học môn Ngữ văn.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Hình thức: Tự luận 100%

III. THIẾT LẬP MA TRẬN, ĐẶC TẢ

1. Khung ma trận đề 100% tự luận - Lớp 12

TT	Kĩ năng	Nội dung kiến thức/Đơn vị kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc	Văn bản thơ	2 (15%)	3 (30%)	1 (15%)	60
2	Viết	Nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/ tác phẩm truyện.	1* (10%)	1* (15%)	1* (15%)	40
			25%	45%	30%	100
Tỉ lệ chung			70%		30%	

2. Bảng đặc tả:

T T	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thôn g hiểu	Vận dụng
1	Đọc hiểu	Văn bản thơ	Nhận biết: - Nhận biết thể thơ. - Nhận biết nhân vật trữ tình. - Nhận biết được từ ngữ, hình	2	3	1

			ảnh tiêu biểu của bài thơ. Thông hiểu: - Nêu được nội dung, chủ đề của bài thơ - Phân tích được các biện pháp tu từ trong văn bản và đánh giá hiệu quả của việc sử dụng các hình thức này. - Lí giải được vai trò của những chi tiết quan trọng, hình tượng trung tâm của bài thơ. - Phân tích, lí giải được mạch cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Vận dụng: - Thể hiện suy nghĩ cá nhân về một vấn đề của tác phẩm.			
2	Viết	Viết bài văn nghị luận so sánh, đánh giá hai đoạn trích/tác phẩm văn học	Nhận biết: - Giới thiệu được ngắn gọn, đầy đủ về hai đoạn trích/ tác phẩm văn học. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của bài văn nghị luận. - Sử dụng các thao tác lập luận chính gồm so sánh, đánh giá trong bài viết. Thông hiểu: - Lựa chọn được những căn cứ, cơ sở hợp lí, khoa học để so sánh. - Phân tích, chỉ ra được những điểm giống và khác nhau giữa hai đoạn trích/tác phẩm văn học. - Lí giải được lí do dẫn tới sự giống và khác nhau. Vận dụng: Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của sự giống và khác nhau giữa hai văn bản theo quan			

			điểm riêng của cá nhân. - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.			
--	--	--	--	--	--	--

TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYẾN

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề có 03 trang)

NĂM HỌC 2025 - 2026

Môn: NGŨ VĂN 12

Thời gian làm bài: 90 phút (không tính thời gian phát đề)

I. PHẦN ĐỌC - HIỂU (6,0 điểm)

Đọc văn bản dưới đây:

Tự nhiên lại gọi tên làng
Như là đứa trẻ lạc đường gọi cha
Giật mình như vạc ăn xa
Qua đêm mới kịp nhận ra chân trời!
Bàn chân nhả Bắc, Nam rồi
Thương về cái cổng cóc ngói dầm mưa,
Miếng cà nhai tự ngày xưa
Bây giờ nghe lại vẫn chưa hết giòn!
Nghe bao lời phẩn lời son
Rưng rưng lại ước mẹ còn.. vồng đưa...

Lời quê lấm nắng, nhiều mưa
Nắng mưa sao ngọt, cày bừa sao thơm!
Nhiều khi đói chả thèm cơm
Thèm lời chân thật được đơm cho đầy.
Đem mình làm cuộc trưng bày
Nhìn mình chỉ thấy mình đầy dấu quê.
Hòn như hạt cải, hạt kê
Gieo đi trăm ngả lại về làng xanh.
Câu thơ lạc chốn đô thành
Xin về ngọt với đất lành làng ơi!

(*Dấu quê*, Nguyễn Minh Khiêm, Theo *Những mảnh ghép của huyền thoại*,
Nguyễn Thanh Tâm, NXB Văn học, 2024, tr.339)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1. Chỉ ra dấu hiệu để xác định thể thơ của văn bản. (0,75 điểm)

Câu 2. Xác định nhân vật trữ tình trong văn bản. (0,75 điểm)

Câu 3. Anh/Chị hiểu như thế nào về nội dung hai dòng thơ sau: *Tự nhiên lại gọi tên làng/ Như là đứa trẻ lạc đường gọi cha.* (1,0 điểm)

Câu 4. Phân tích tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong hai dòng thơ sau: *Hòn như hạt cải, hạt kê /Gieo đi trăm ngả lại về làng xanh.* (1,0 điểm)

Câu 5. Trình bày cảm xúc của nhân vật trữ tình trong văn bản. (1,0 điểm)

Câu 6. Từ nội dung của văn bản, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về ý nghĩa của việc lưu giữ *dấu quê* trong cuộc sống hiện đại ngày nay. (Trả lời bằng đoạn văn 5-7 câu) (1,5 điểm)

II. LÀM VĂN (4,0 điểm)

Đoạn trích 1:

(Lược phần đầu: Truyện kể về Tân, người chồng lo lắng chờ đợi khi vợ sinh con, nhưng khi con ra đời, anh cảm thấy xa lạ và không thể gần gũi ngay lập tức. Trong tuần lễ đầu, Tân đứng đưng, thỉnh thoảng còn khó chịu với con. Một lần, khi tắm cho con, anh bỏ đi vì bức bối, khiến vợ buồn. Mặc dù hối hận, Tân không xin lỗi, để cái tôi lấn át. Các cuộc

cãi vĩa nhỏ nhất giữa hai vợ chồng diễn ra do Tân không chịu hòa giải. Sau đó, khi Tân thấy vợ đang cho con bú, nhìn đứa bé hồng hào và vui vẻ, anh cảm thấy ấm lòng.)

Tân lại gần, cúi nhìn đứa bé. Chàng thấy trong lòng một mối cảm động êm đềm và phiền phức. Nhìn đứa trẻ ngây thơ nằm trong lòng mẹ, Tân cảm thấy lần đầu cái thiêng liêng sâu xa của sự sống, và nhận thấy chính cái bé nhỏ, hèn mọn hằng ngày nó phá hoại cuộc đời.

Từ đầu đứa con như cái dây giữ sự hòa hợp trong hai vợ chồng. Tân và vợ chàng không cãi nhau nữa. Mà nếu có xảy ra cuộc hờn giận, hai người chỉ cùng trông đứa trẻ mũm mĩm là lại hòa hảo như cũ.

Thỉnh thoảng vợ chàng bỗng con đưa đến trước mặt Tân, chỉ cho chàng biết những cái thay đổi trong đứa bé.

- Ngày cậu trông, cái thóp bây giờ đã nhỏ đi rồi đấy.

Tân cũng chăm chú xem, rồi nói chuyện với con. Lúc chàng ngẩng lên nhìn, chàng thấy vợ ngượng ngịu muốn giấu sự vui mừng làm ứng hồng đối gò má. Tân cũng thấy trong tâm can một sự vui vẻ khác thường

Buổi sáng nay, vừa bước chân vào trong nhà, Tân đã hỏi vợ:

- Em đâu?

- Nó ngủ. Cái gì thế?

- Tôi có cái này hay lắm.

Tân giờ lên cho vợ xem một đôi bít tất len trắng xinh đẹp. Chàng bước lại bên cạnh cái nôi rủ màn trắng sạch sẽ.

Vợ chàng vội nói:

- Ấy, khẽ chứ cậu, để nó ngủ. Tôi vừa mới đặt xong.

Tân rón rén, khe khẽ giở tấm màn tuyền, nhìn thấy đứa trẻ nằm gọn gàng trong vải trắng. Chàng cúi mình xuống, yên lặng đợi trên cặp môi nhỏ bé một nụ cười.

Và Tân thấy trong lòng rung động khẽ như cánh bướm non, một tình cảm sâu xa và mới mẻ chàng chưa từng thấy.

(Thạch Lam, Trích *Đứa con đầu lòng*, Tuyển tập Thạch Lam, NXB Văn học, 2015, trang 10-11)

Đoạn trích 2:

(Lược một đoạn: Chị Diệu về quê giữa mùa lưu diễn của đoàn cải lương Mưa Bình Minh, khi tàu ghé đập Bàu Mốp. Chị gặp mẹ sau đám giỗ, bà ngạc nhiên khi chị về. Chị rời nhà từ năm mười bảy tuổi, giờ đã bốn mươi, và chưa bao giờ về lâu dài. Mẹ nhìn chị nghi ngờ, hỏi có chuyện gì không. Chị hỏi về con San, mẹ bảo nó đi đón ghe khóm. Chị buồn bã, trách mẹ để con đi làm vất vả, nhưng mẹ chị an ủi, con San không cần tiền của chị, dù đã nhiều lần từ chối. Chị nhớ lại lần con San trả lại tiền gửi, nói rằng sẽ tự lo, khiến chị cảm thấy xa cách.)

Chị sinh con San cũng ngay mùa này, gió này. Gọi là San, là vì khi Hoàng Bảo từ thành phố tăng cường xuống Mưa Bình Minh, chị Diệu với anh hát chung tuồng San Hậu. Chị yêu anh lắm, không ai còn có thể nghệ sĩ hơn thế, tất cả con người Anh toát

lên cái gì đó phong trần, phiêu lãng, thương không chịu được. Chị đặt tên cho đứa con đầu lòng là San vì tin rằng sẽ để cho anh thêm thằng Hậu, nhưng thằng Hậu mãi mãi không bao giờ có. San vừa tròn bảy tháng để nó lại cho má, chị đi. Hôm đó nó đã bú cho thật no rồi, chị ép cho no nữa. Nó ngậm vú chị ngủ ngon lành. Đặt con xuống giường, chị còn thấy cái miệng nhỏ xíu của nó mút mút. Rồi từ đó chị không dám nhìn thêm lần nào nữa, sợ mãi mãi mình không thể nhấc chân đi. Mà chị thì không thể từ bỏ ước mơ của mình, trở thành cô đào hát nổi tiếng. Làm sao từ chối vai diễn đã từng chờ đợi, nàng Trưng Trắc oai hùng trong Tiếng Trống Mê Linh?

Chị yêu vai Trưng Trắc này biết bao nhiêu, người phụ nữ cũng có lúc dao động, mềm lòng khi chồng của mình đang nằm trong tay giặc. Nhưng rồi Trưng Trắc vẫn mạnh mẽ đánh trống xuất quân, nước mắt bi hùng nhỏ xuống mặt trống vang lời ly biệt. Mấy hôm đầu, có lúc sữa xuống nặng, chị Diệu nhớ con quay quắt, chị muốn bỏ hết về nhà vùi mặt mình vào làn da thơm tho của nó, nhưng nghĩ đến vai diễn của mình, chị ghì lòng lại. Đâu nè, Trưng Trắc đâu có nữ nhi thường tình vậy...

(Nguyễn Ngọc Tư, Trích *Người đứng làm má*, Tập truyện ngắn Nguyễn Ngọc Tư, NXB Trẻ, 5/2024)

Anh/ Chị viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích trên.

*** Chú thích tác giả:**

- Thạch Lam (1910 - 1942), sinh ra tại Hà Nội, trong gia đình công chức gốc quan lại. Thuở nhỏ sống ở quê ngoại: phố huyện Cẩm Giàng (Hải Dương). Là người đôn hậu và rất đổi tinh tế.

- Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam. Giọng văn

chị đậm chất Nam Bộ.

PHẦN I	Câu	Nội dung	Điểm
		Độc hiểu	6,0
	1	- Dấu hiệu nhận biết: đều đặn một câu 6 chữ, một câu 8 chữ. - Thể thơ: lục bát. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý :0,5 điểm. - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm.	0,75
	2	Nhân vật trữ tình: người con xa quê (chấp nhận phương án tác giả) Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - Học sinh trả lời khác đáp án: 0,0 điểm.	0,75
	3	- Hai dòng thơ nói về nỗi nhớ tên làng mãnh liệt, tự nhiên không thể kìm nén nên gọi tên, giống như một đứa trẻ lạc đường đang hoang mang tìm về nơi chốn bình yên. - Qua đó thấy được sự gắn kết thiêng liêng giữa con người với quê hương giống như tình phụ tử không thể tách rời. - Chính vì thế mỗi người cần phải biết trân quý quê hương của mình Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 2 ý 1,2: 1,0 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý 1 hoặc 2: 0,5 điểm * Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách, tỏ ra hiểu vấn đề là chấp nhận được.	1,0
	4	Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh trong hai dòng thơ sau: <i>Hồn như hạt cải, hạt kê/Gieo đi trăm ngả lại về làng xanh.</i> - Biện pháp tu từ so sánh: So sánh “hồn” với “hạt cải, hạt kê” qua từ “như”. - Tác dụng: + Làm cho câu thơ sinh động, hấp dẫn, giàu hình ảnh, tăng giá trị biểu đạt. + Làm nổi bật tâm hồn của người con xa quê luôn hướng về	1,0

		quê hương, quê hương là điểm tựa, đích đến trong hành trình sống của mỗi con người. Qua đó thấy được tình cảm sâu nặng và thái độ trân trọng quê hương của nhân vật trữ tình. Hướng dẫn chấm: -Thí sinh trả lời đủ ý như đáp án hoặc diễn đạt tương đương: 1,0 điểm Thí sinh chỉ ra biện pháp tu từ 0,25, nêu được tác dụng 1 được 0,25đ, tác dụng 2 được 0,5đ.	
	5	- Cảm xúc trân trọng, nhớ thương của người con xa quê với quê hương: nhớ về “tên làng”, về những hình ảnh thân thuộc gần gũi “cổng làng”, “miếng cà”, lời ru của mẹ bên “võng đưa” ... - Khao khát được trở về làng, về với nguồn cội. Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời được như đáp án: 1 điểm. - Học sinh trả lời được 1 ý: 0,5 điểm.	1,0
	6	- Thí sinh nêu được nội dung của văn bản: Nỗi nhớ thiết tha, sự gắn bó và lòng biết ơn của nhân vật trữ tình với quê hương. - Thí sinh nêu được ý nghĩa của việc lưu giữ <i>dấu quê</i> trong cuộc sống ngày nay: + Giúp tâm hồn con người trở nên phong phú, tinh tế + Tạo điểm tựa tinh thần cho con người + Giúp con người biết sống nhân hậu, thủy chung + Phát huy truyền thống uống nước nhớ nguồn, bồi đắp tình yêu quê hương, đất nước... Hướng dẫn chấm: Thí sinh trả lời được như đáp án hoặc diễn đạt tương đương, đảm bảo yêu cầu đoạn văn: 1,5 điểm. (nêu được nội dung của văn bản: 0,5đ; đảm bảo yêu cầu đoạn văn 0,25. chỉ ra được các ý nghĩa phù hợp: 0,75 điểm; nêu được 1 ý nghĩa: 0,25 điểm) Thí sinh trả lời sai hoặc không trả lời: 0,0 điểm. * Lưu ý: Học sinh có thể diễn đạt bằng nhiều cách, tỏ ra thuyết phục là chấp nhận được.	1,5
PHẦN II		Viết	4,0
	1	Viết bài văn nghị luận (khoảng 600 chữ) so sánh, đánh giá hai đoạn trích <i>Đứa con đầu lòng</i> của Thạch Lam và <i>Người dung làm má</i> của Nguyễn Ngọc Tư .	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn	0,25

	học – kiểu bài so sánh, đánh giá hai tác phẩm truyện.	
	b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận</i>: So sánh, đánh giá hai đoạn trích <i>Đứa con đầu lòng</i> của Thạch Lam và <i>Người dung làm má</i> của Nguyễn Ngọc Tư.	0,25
	c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết</i>. - Xác định được ý chính của bài viết - Sắp xếp được các ý hợp lí theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: * Giới thiệu vấn đề cần nghị luận: So sánh, đánh giá hai đoạn trích <i>Đứa con đầu lòng</i> của Thạch Lam và <i>Người dung làm má</i> của Nguyễn Ngọc Tư. * Triển khai vấn đề nghị luận - Phân tích điểm tương đồng của hai tác phẩm. - Về nội dung: Cả hai đoạn trích đều khai thác đề tài tình cảm gia đình trong mối quan hệ giữa mẹ hoặc cha và con cái. - Về nghệ thuật: Cả hai đoạn trích đều sử dụng ngôi kể thứ ba để mô tả tâm lý nhân vật, từ đó dễ dàng thể hiện những mâu thuẫn nội tâm phức tạp của người mẹ và người cha. - Phân tích điểm khác biệt của hai tác phẩm: - Về nội dung: - Chủ đề: Trong <i>Đứa con đầu lòng</i>, chủ yếu là sự thay đổi trong tình cảm của người cha, còn trong <i>Người dung làm má</i>, mâu thuẫn chủ yếu xoay quanh sự lựa chọn giữa gia đình và nghề nghiệp, khi người mẹ phải từ bỏ đứa con để theo đuổi ước mơ. - Về nghệ thuật: - Giọng điệu và ngôn ngữ: Thạch Lam sử dụng giọng điệu nhẹ nhàng, thanh thoát với sự quan sát tinh tế về tâm lý nhân vật, đặc biệt là trong các đoạn miêu tả sự thay đổi trong tình cảm của Tân. Nguyễn Ngọc Tư, ngược lại, sử dụng giọng điệu sâu sắc và đầy cảm xúc, phản ánh sự mâu thuẫn nội tâm giằng xé mạnh mẽ của người mẹ. * Lý giải sự tương đồng và khác biệt - Sự tương đồng: Cả hai đoạn trích đều khai thác sâu sắc chủ đề tình cảm gia đình, đặc biệt là tình cảm cha mẹ dành cho con cái. Dù biểu hiện qua các hoàn cảnh và cảm xúc khác	1,5

	nhau cả hai tác phẩm đều thể hiện tình yêu thương, sự trăn trở và thay đổi trong nội tâm nhân vật khi đối diện với vai trò làm cha, làm mẹ. - Sự khác biệt: Xuất phát từ bối cảnh xã hội; quan điểm, cách tiếp cận nghệ thuật; phong cách viết của hai nhà văn. + Bối cảnh xã hội: . Thạch Lam sống trong thời kỳ xã hội còn nhiều khuôn khổ, nơi vai trò gia đình được đề cao. . Nguyễn Ngọc Tư thuộc thế hệ hiện đại, với những thay đổi lớn về vai trò của người phụ nữ và sự mâu thuẫn giữa truyền thống và hiện đại. + Quan điểm, cách tiếp cận nghệ thuật, phong cách viết. . Thạch Lam phản ánh một gia đình trung lưu thành thị thời kỳ nửa đầu thế kỷ XX, nơi cuộc sống gia đình gắn liền với sự hòa hợp và bình yên. Giọng văn nhẹ nhàng, tinh tế, tập trung vào những rung động nội tâm và mô tả sự ám áp của cuộc sống gia đình. Tác phẩm mang hơi hướng lãng mạn và trữ tình. . Nguyễn Ngọc Tư viết về một vùng quê Nam Bộ đậm chất đời thường, nơi nhân vật chị Diệu phải chọn giữa gia đình và khát vọng cá nhân. Tình cảm mẹ con bị giằng xé bởi những mâu thuẫn hiện đại: ước mơ, sự nghiệp và trách nhiệm làm mẹ. Giọng văn phảng phất nỗi buồn và sự trăn trở của con người hiện đại. * Đánh giá chung - Sự tương đồng giữa hai đoạn trích tạo nên một cái nhìn thống nhất về tình cảm gia đình. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa các đoạn trích lại thể hiện sự đa dạng trong phong cách sáng tác của Thạch Lam và Nguyễn Ngọc Tư, qua đó khẳng định tài năng và cá tính riêng của tác giả.	
	<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được ít nhất hai luận điểm để làm rõ quan điểm của cá nhân. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lí lẽ xác đáng; bằng chứng tiêu biểu, phù hợp; kết hợp nhuần nhuyễn giữa lí lẽ và bằng chứng. <i>Lưu ý: Thí sinh có thể bày tỏ suy nghĩ, quan điểm riêng nhưng</i>	1,5

		<i>phải phù hợp với chuẩn mực đạo đức và pháp luật.</i>	
		<i>đ. Diễn đạt:</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết câu trong bài văn.	0,25
		<i>e. Sáng tạo:</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận, có cách diễn đạt mới mẻ.	0,25
Tổng điểm			10,0